TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST
Ngày 29 - 7 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Tiến Chỉnh.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Dương Thế Q, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

1.2. Chị Hồ Ngọc Q, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Số nhà 292 phố M, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Giáp Thị Q1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Trung M, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

4.1. Anh Lại Xuân C, sinh năm 1979 (Có mặt)

4.2. Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty luật TNHH NTB LEGAL – Tầng 3, số 72C N, phường Y,

quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q trình bày:

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 (âm lịch), vợ chồng anh Q – chị Q có cho chị Giáp Thị Q1 vay số tiền 65.000.000 đồng (Sau mươi năm triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, khi vay tiền thì chị Q1 là người viết giấy, trong giấy không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng là 0,8%/tháng, không ghi thời hạn thanh toán, khi nào cần lấy tiền thì báo trước cho chị Q1. Chị Q1 đã trả lãi theo thỏa thuận trên đến hết tháng 2/2021 (âm lịch), từ đó đến nay chị Q1 không trả thêm đồng nào mặc dù anh Q, chị Q có đòi nhiều lần.

Nay anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q yêu cầu chị Giáp Thị Q1 phải trả số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2021 (âm lịch) đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,8%/tháng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Đối với bị đơn là chị Giáp Thị Q1:

Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Q1 đến làm việc nhưng chị Q1 không chấp hành, xác minh tại địa phương cho thấy chị Q1 vẫn cư trú tại thị trấn Đ nhưng thường vắng mặt ở nhà. Ngày 19/01/2022 Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án đối với chị Q1 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn niêm yết công khai, Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của chị Q1. Nhiều lần Tòa án triệu tập chị Q1 tham gia các phiên họp và phiên hòa giải nhưng chị Q1 đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2022 chị Giáp Thị Q1 trình bày: Ngày 30/9/2019 (âm lịch) chị có viết một giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng anh Q, chị Q với số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi năm triệu đồng). Giấy này do chị là người trực tiếp viết và ký tên. Thực tế chị không vay tiền mặt mà đây là tiền lãi của các khoản vay trước chưa trả được cộng lại (chị không nhớ cụ thể về các khoản vay trước đây). Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 2000 đồng/triệu/ngày, chỉ là thỏa thuận miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì chứng minh vấn đề này, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Nay vợ chồng anh Q, chị Q khởi kiện yêu cầu chị phải trả 65.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,8%/tháng thì chị đồng ý. Nhưng hiện nay chị đang bị vỡ nợ, điều kiện kinh tế của chị khó khăn, chưa thể trả được nên đề nghị được trả dần cho anh Q, chị Q.

Khoản vay 65.000.000 đồng là khoản vay riêng của chị, không liên quan đến chồng là anh Lê Trung M, tại thời điểm vay số tiền này chị và anh M đang ly thân để

chờ Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy anh M không biết, không được chị bàn bạc gì về số tiền nợ này. Chị xác nhận đây là khoản nợ riêng và chị có trách nhiệm trả cho anh Q, chị Q.

Tại phiên tòa, chị Q1 vắng mặt nhưng đã có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Trung M bày:

Thời điểm chị Q1 vay khoản tiền trên thì anh và chị Q1 vẫn là vợ chồng, nhưng đây là khoản vay riêng của chị Q1 với anh Q, chị Q. Anh không biết và không liên quan đến việc vay mượn này. Trước khi vay, chị Q1 không trao đổi, bàn bạc gì với anh về khoản vay đó. Nay anh Q, chị Q yêu cầu chị Q1 phải trả tiền gốc 65.000.000 đồng và tiền lãi thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, anh xác định là không chịu trách nhiệm trả nợ cùng chị Q1 vì anh không được sử dụng, chị Q1 cũng không sử dụng tiền này vào mục đích chung của gia đình. Mặt khác giữa anh và chị Q1 có văn bản thỏa thuận với nhau là các khoản vay của chị Q1 thì chị Q1 tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, anh M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q: Buộc chị Giáp Thị Q1 phải trả anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng (Bẩy mươi triệu đồng chẵn).

- Về tiền lãi: Chấp nhận thỏa thuận của các bên, buộc chị Giáp Thị Q1 phải trả anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q số tiền lãi là 65.000.000 đồng x 475 ngày x 0,026%/ngày (tương ứng 0,8%/tháng) = 8.027.500 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 73.027.500 đồng.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là chị Giáp Thị Q1 phải chịu 3.651.375 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q và chị Giáp Thị Q1 là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, do các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bị đơn chị Giáp Thị Q1 là người có địa chỉ thường trú tại thị trấn Đ, huyện Lục Nam, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp này được quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, ngày 03/11/2021 anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q có đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt:

Anh Dương Thế Q, chị Hồ Ngọc Q, chị Giáp Thị Q1, anh Lê Trung M đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Q, chị Q đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, chị Q1 và anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 30/9/2019 (âm lịch) thể hiện anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q là bên cho vay tiền, chị Giáp Thị Q1 là bên vay tiền, số tiền vay 65.000.000 đồng, giấy vay tiền không thể hiện lãi suất và thời hạn thanh toán.

Bị đơn là chị Giáp Thị Q1 xác nhận là có vay khoản tiền trên của vợ chồng anh Q, chị Q như nội dung đơn khởi kiện đã nêu, xác nhận đúng chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là của mình.

Do vậy có đủ căn cứ xác định giao dịch là có thật do được cả hai bên thừa nhận, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất (các bên thừa nhận có thỏa thuận miệng với nhau là có tính lãi nhưng không ghi cụ thể trong giấy vay tiền), không có tài sản đảm bảo, nội dung hợp đồng là sự thỏa thuận tự nguyện của hai phía. Xét thấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với nhau, nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do vậy việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận, xét là phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vấn đề tiền lãi: Nguyên đơn xác định các bên có thỏa thuận lãi suất 0,8%/tháng, bị đơn xác định là lãi suất 2000 đồng/triệu/ngày. Nhưng cả hai bên đều không xuất trình được căn cứ chứng minh. Nay phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày 01/3/2019 (âm lịch) đến ngày xét xử, bị đơn đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc chị Giáp Thị Q1 phải trả cho anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q số tiền lãi cụ thể là: Thời điểm tính lãi từ ngày 01/3/2021 âm lịch (tức từ ngày 12/4/2021 dương lịch) đến ngày xét xử 29/7/2022: 475 ngày x 65.000.000 đồng x 0,8%/tháng (tương ứng 0,026%/ngày) = 8.027.500 đồng.

Tổng cả gốc và lãi phải trả là: 73.027.500 đồng (Bẩy mươi ba triệu không trăm hai mươi bẩy nghìn năm trăm đồng).

[3] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Số tiền 65.000.000 đồng mà chị Giáp Thị Q1 vay của anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Q1 và anh M. (hiện nay chị Q1 và anh M đã ly hôn theo Bản án số 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam). Căn cứ giấy vay tiền ngày 30/9/2019 (âm lịch) không có chữ viết, chữ ký của anh M, mặt khác anh M xác định không được biết, trao đổi, bàn bạc, sử dụng khoản tiền này. Lời khai của chị Q1 cũng xác định đây là khoản vay riêng, thời điểm hai vợ chồng đang mâu thuẫn và ly thân chờ Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Q1 không được sử dụng khoản tiền này cho nhu cầu của gia đình và xác định đây là khoản nợ riêng và có trách nhiệm trả nợ riêng.

Do vậy, có đủ căn cứ xác định, khoản tiền vay 65.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/9/2019 (âm lịch) là khoản vay riêng của chị Giáp Thị Q1, số tiền này không được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên cần buộc cá nhân chị Q1 phải chịu trách nhiệm trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là chị Giáp Thị Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều

273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc chị Giáp Thị Q1 phải trả cho anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q số tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 8.027.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 73.027.500 đồng (Bẩy mươi ba triệu không trăm hai mươi bẩy nghìn năm trăm đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Chị Giáp Thị Q1 phải chịu 3.651.375 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm bẩy lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Dương Thế Q và chị Hồ Ngọc Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0013472 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thái Sơn